**TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM**

**TỔ HÓA - SINH - ĐỊA**

**NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**

**Năm học: 2020 - 2021**

**MÔN SINH HỌC – KHỐI 9**

**A. KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP**

**I. Di truyền học người**

1. Phương pháp nghiên cứu di truyền học người.

2. Bệnh và tật di truyền ở người.

3. Di truyền học đối với con người.

**II. Ứng dụng di truyền học**

1. Công nghệ gen, công nghệ TB.

2. Thoái hóa do tự thụ phấn và do giao phối gần. Ưu thế lai.

**III. Sinh vật và môi trường**

1. Môi trường vầ các nhân tố sinh thái.

2. Ảnh hưởng của ánh sáng lên đời sống sinh vật.

**B. CÁC DẠNG CÂU HỎI, BÀI TẬP THAM KHẢO**

**I. Bài tập TNKQ**

**Câu 1:** Tỉ lệ trẻ sơ sinh mắc bệnh Đao ***cao nhất*** ở những bà mẹ sinh con có độ tuổi từ

**A.** 18 đến 30. **B.** 40 tuổi trở lên. **C**. 30 đến 34. **D.** từ 35-39.

**Câu 2.** Tại sao người ta sử dụng phương pháp nghiên cứu phả hệ và nghiên cứu trẻ đồng sinh để nghiên cứu sự di truyền một số tính trạng ở người?

**A.** Vì đây là phương pháp dễ làm dễ theo dõi.

**B.** Vì ở người sinh sản muộn, đẻ ít con và vì lí do xã hội không thể áp dụng các phương pháp lai và gây đột biến.

**C.** Vì con cái có hiện tượng giống bố mẹ.

**D.** Vì ở người không áp dụng được các phương pháp nghiên cứu trên động vật.

**Câu 3.** Quy định “Hôn nhân một vợ một chồng” của luật hôn nhân và gia đình dựa trên cơ sở sinh học nào?

**A.** Để tránh tăng dân số. **B.** Để đảm bảo bình đẳng giới tính.

**C.** Vì trong độ tuổi kết hôn 18-35 tỉ lệ nam nữ là 1:1. **D.** Vì lí do đạo đức.

**Câu 4.** Người con trai và người con gái mắc chứng câm điếc bẩm sinh kết hôn với nhau, xác suất con đầu lòng của họ bị bệnh là

**A.** 50%. **B.** 25%. **C.** 75%. **D.** 100%.

**Câu 5.** Người ta nhận biết bệnh nhân bị bạch tạng ở đặc điểm nào?

**A.** Tóc và mắt màu vàng. **B.** Tóc và da màu trắng, mắt màu hồng.

**C.** Tóc và mắt màu trắng. **D.** Tóc và da màu trắng, mắt màu xanh.

**Câu 6.** Các tính trạng ở người chịu ảnh hưởng nhiều của ngoại cảnh:

**A.** Màu mắt, màu sắc tóc, giọng nói. **B.** Giọng nói, màu da.

**C.** Chiều cao, màu da, dạng mũi, khuôn mặt. **D.** Sức khoẻ, màu mắt.

**Câu 7.** Ý nghĩa của nghiên cứu trẻ đồng sinh là gì?

**A.** Biết được tính trạng nào đó phụ thuộc hay không phụ thuộc vào kiểu gen để tạo điều kiện cho việc phát triển tính cách của trẻ được nghiên cứu.

**B.** Biết được tiềm năng của trẻ để định hướng về học tập và lao động.

**C.** Có thể xác dịnh được tính trạng nào do gen quyết định là chủ yếu, tính trạng nào chịu ảnh hưởng nhiều của môi trường tự nhiên và xã hội.

**D.** Để biết được trẻ đồng sinh có đặc điểm gì khác so với các trẻ khác

**Câu 8.** Hiện tượng di truyền thẳng là hiện tượng

**A.** bố truyền lại các tính trạng của mình cho con trai qua NST Y trong cặp NST giới tính.

**B.** bố truyền lại các tính trạng của mình cho con gái qua NST X trong cặp NST giới tính.

**C.** mẹ truyền các tính trạng cho con trai.

**D.** mẹ truyền các tính trạng cho con gái.

**Câu 9.** Đặc điểm di truyền của bệnh máu khó đông là

**A.** do gen lặn nằm trên NST thường quy định.

**B.** do gen lặn nằm trên NST giới tính Y quy định.

**C.** do gen lặn nằm trên NST giới tính X quy định.

**D.** do gen trội nằm trên NST giơí tính X quy định.

**Câu 10.** Biện pháp nào dưới đây giúp hạn chế sự phát sinh các bệnh và tật di truyền?

**A.** Tăng cường sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ và một số chất độc hoá học cho cây trồng.

**B.** Phòng, chống ô nhiễm môi trường, tiêu diệt sạch các sinh vật bị đột biến.

**C.** Khi có bệnh, tật di truyền thì không được sinh con.

**D.** Sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ và một số chất độc hoá học khác theo đúng quy trình và hợp lí. Tích cực phòng, chống ô nhiễm môi trường.

**Câu 11.** Có thể phân biệt được người mắc bệnh Đao và người mắc bệnh Tơcnơ bằng mắt thường dựa vào cơ sở nào?

**A.** Phương pháp phả hệ. **B.** Không phân biệt được, buộc phải phân tích kiểu gen.

**C.** Đặc điểm sinh lí. **D.** Kiểu hình khác nhau của hai bệnh nhân.

**Câu 12.** Nguyên nhân dẫn đến bệnh Đao là

**A.** có 3 NST X trong cặp NST giới tính. **B.** có 3 NST trong cặp thứ 21.

**C.** có cặp NST giới tính là XXY **D.** có 3 NST trong cặp thứ 20.

**Câu 13.** Để tạo ưu thế lai ở vật nuôi người ta dùng phương pháp nào dưới đây?

**A.** Lai khác dòng (dòng thuần chủng). **B.** Lai khác thứ.

**C.** Lai kinh tế. **D.** Lai phân tích.

**Câu 14.** Một số loài sinh vật không bị thoái hoá khi tự thụ phấn hay giao phối cận huyết vì

**A.** Chúng mang các cặp gen dị hợp.

**B.** Chúng mang các cặp gen đồng hợp trội.

**C.** Chúng thích nghi với cách tự thụ phấn hay giao phối cận huyết.

**D.** Chúng mang cả các cặp gen đồng hợp và dị hợp.

**Câu 15.** Một cơ thể có kiểu gen là Aa, qua 3 thế hệ tự thụ phấn thì F3 có tỉ lệ kiểu gen Aa là bao nhiêu phần trăm?

**A.** 12,5%. **B.** 87,5%. **C.** 25%. **D.** 75%.

**Câu 16.** Ở Việt Nam đã nhân bản vô tính thành công đối với động vật nào?

**A.** Bò. **B.** Gà. **C.** Cá trạch. **D.** Cừu.

**Câu 17.** Người ta thường dùng vi khuẩn E.coli làm tế bào nhận vì:

**A.** Vi khuẩn E.coli có nhiều trong môi trường.

**B.** Vi khuẩn E.coli dễ nuôi cấy và sinh sản nhanh.

**C.** Vi khuẩn Ecoli có sức đề kahnsg cao.

**D.** Vi khuẩn Ecoli không gây hại cho sinh vật.

**Câu 18.** Trong một quần thể thực vật, ở thế hệ xuất phát có tỉ lệ kiểu gen Aa = 100%. Quần thể trên tự thụ phấn thì thế hệ tiếp theo sẽ có tỉ lệ thành phần kiểu gen là

**A.** 50% AA + 50% Aa. **B.** 25% AA + 50% Aa + 25% aa.

**C.** 50% AA + 25% Aa + 25% aa. **D.** 25% AA + 25% Aa + 50% aa.

**Câu 19.** Công nghệ gen ***không có*** ứng dụng nào dưới đây?

**A.** Tạo ra các chủng vi sinh vật mới. **B.** Tạo giống cây trồng biến đổi gen.

**C.** Tạo giống vật nuôi và cây trồng đa bội hoá. **D.** Tạo giống vật nuôi biến đổi gen.

**Câu 20.** Giun đũa, giun kim, giun móc, sán lá sống trong môi trường nào sau đây?  
**A.** môi trường đất. **B.** môi trường nước.

**C.** môi trường không khí. **D.** môi trường sinh vật. **Câu 21.** Mỗi loài sinh vật có một môi trường sống đặc trưng vì lí do chủ yếu là  
**A.** chúng sinh ra từ môi trường đó.  
**B.** chúng có những đặc điểm thích nghi với môi trường về hình thái, sinh lí, và tập tính. **C.** chúng có những đặc điểm thích nghi với môi trường về cách lấy thức ăn.  
**D.** môi trường đó có nhiều thức ăn và có quan hệ đực cái.

**Câu 22.** Các nhân tố sinh thái là  
**A.** tất cả các yếu tố xung quanh sinh vật, ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới đời sống của sinh vật. **B.** tất cả các nhân tố vật lí và hoá học của môi trường xung quanh sinh vật.  
**C.** những mối quan hệ giữa một sinh vật (hoặc nhóm sinh vật) này với một sinh vật (hoặc nhóm sinh vật) khác sống xung quanh.  
**D.** những tác động của con người tới môi trường và sinh vật.

**Câu 23.** Con người là một nhân tố sinh thái đặc biệt vì

**A.** con người có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp lên sự sống, sự phát triển và sinh sản của sinh vật một cách nhân tạo để phục vụ cho lợi ích của mình.

**B.** con người làm biến đổi mạnh mẽ môi trường của nhiều loài sinh vật và do đó luôn đe dọa cuộc sống của chúng.

**C.** con người luôn tác động tích cực tới sinh vật làm cho chúng phát triển mạnh mẽ.

**D.** con người có thể cải tạo sinh vật để tạo ra các giống cho năng suất cao.

**Câu 24.** Cho bảng số liệu sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Tên sinh vật | Giới hạn về nhiệt độ |
| Chân bụng Hiđrôbia aponensis  Đỉa phiến  Chuột cát ở Đài nguyên  Cá chép ở Việt Nam | +1°C đến +60°C  +0,5°C đến +24°C  -5°C đến +30°C  +2°C đến +44°C |

Trong các loài trên, loài nào có phạm vi phân bố hẹp nhất?

**A.** Đỉa phiến.  **B.** Chuột cát. **C.** Cá chép. **D.** Chân bụng Hiđrôbia aponensis.

**Câu 25.** Ta nói "Nước vừa là một nhân tố sinh thái lại vừa là một môi trường" vì  
**A.** nước là yếu tố tác động trực tiếp hoặc gián tiếp lên đời sống của sinh vật.  
**B.** nước là môi trường sống chủ yếu của sinh vật, tạo ra các tế bào của cơ thể.  
**C.** nước là môi trường có đủ các chất vô cơ và hữu cơ, không khí hòa tan, có thực vật,  
động vật và cả vi sinh vật thường xuyên tác động trực tiếp hoặc gián tiếp lên sinh vật sống trong đó. **D.** nước là yếu tố không thể thiếu được của mỗi sinh vật và cấu tạo cơ thể phần lớn là nước.

**Câu 26.** Giới hạn sinh thái là

A. giới hạn chịu đựng của sinh vật đối với một nhân tố sinh thái của môi trường. Nằm ngoài giới hạn sinh thái sinh vật không thể tồn tại.

B. giới hạn chịu đựng của sinh vật đối với một nhân tố sinh thái của môi trường. Nằm ngoài giới hạn sinh thái sinh vật vẫn tồn tại được.

C. giới hạn chịu đựng của sinh vật đối với nhiều nhân tố sinh thái của môi trường. Nằm ngoài giới hạn sinh thái, sinh vật không thể tồn tại được.

D. giới hạn chịu đựng của sinh vật đối với một số nhân tố sinh thái của môi trường. Nằm ngoài giới hạn sinh thái, sinh vật không thể tồn tại được.

**Câu 27.** Hãy ghép mỗi dòng ở cột trái với mỗi dòng ở cột phải để được câu trả lời đúng:

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tên sinh vật*** | ***Môi trường sống của sinh vật*** |
| 1. Gà  2. Giun đũa  3. Cá trắm  4. Giun đất | a. Ruột người  b. Nước  c. Trên mặt đất- không khí  d. Chuồng gà  e. Trong đất |

**A.** 1-c; 2-b; 3-a; 4-e. **B.** 1-c; 2-e; 3-b; 4-a. **C.** 1-c; 2-a; 3-b; 4-e. **D.** 1-c; 2-a; 3-e; 4-b.

**Câu 28.** Cho biết một loài vi khuẩn có giới hạn nhiệt độ từ 0°C → 80°C, trong đó điểm cực thuận là 55°C. Một loài cá có giới hạn nhiệt độ từ O°C → 58°C, trong đó điểm cực thuận là 32°C. Em hãy chọn một ý kiến đúng nhất trong các ý kiến sau:

A. Vi khuẩn có vùng phân bố rộng hơn loài cá đó.

B. Vi khuẩn có vùng phân bố hẹp hơn loài cá đó.

C. Vi khuẩn có giới hạn chịu đựng nhỏ hơn loài cá đó.

D. Vi khuẩn có vùng phân bố rộng hơn nhưng giới hạn chịu đựng nhỏ hơn loài cá đó.

**II. Bài tập tự luận**

**Câu 1.** Nêu biểu hiện và vẽ sơ đồ mô tả cơ chế hình thành bệnh Tơcnơ, bệnh Đao.

**Câu 2.** Giải thích các hiện tượng thực tế sau:

a. Tại sao tỉ lệ con trai và con gái sơ sinh xấp xỉ 1:1.

b. Sinh con trai hay con gái do người bố hay người mẹ quyết định? Tại sao?

c. Vì sao kết hôn gần làm suy thoái nòi giống?

d. Tại sao phụ nữ không nên sinh con ở độ tuổi ngoài 35?

**Câu 3.** Ánh sáng ảnh hưởng đến đời sống sinh vật như thế nào? Cho ví dụ về thực vật ưa sáng và ưa bóng, động vật ưa sáng và ưa tối.

**BGH duyệt Tổ trưởng CM Nhóm trưởng CM**

**Nguyễn Thị Thu Hằng Đỗ Minh Phượng Phạm Huyền Trang**